TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
**TẠI ĐÀ NẴNG**
---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
---

Bản án số 151/2023/HC-PT
Ngày 18/5/2023
Về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

**NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

*Các Thẩm phán:* ông Lê Tự, ông Trần Quốc Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 348/2022/TLPT-HC ngày 05/12/2022 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do Bản án hành chính sơ thẩm số 51/2022/HC-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1165/2023/QĐ-PT ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

*Người khởi kiện:* bà Trần Thị C, sinh năm 1955, vắng mặt.

Địa chỉ: 61 Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1948; địa chỉ: TDP 7, phường Thành Nhất, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại Th (Phó Chủ tịch UBND thành phố B), có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*1.* Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Người đại diện theo ủy quyền của giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B là ông Phạm Văn Ng (Trưởng phòng Kỹ thuật bồi thường Giải phóng mặt bằng, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk), có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2.* Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1953, anh Lê Anh T1, sinh năm 1980 và anh Lê Anh Q, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: 61 Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông Tr, anh T1 và anh Q là ông Nguyễn Xuân B1, sinh năm 1967, địa chỉ: TDP 5, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2022 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Trần Thị C trình bày:*

Ngày 12/7/2014, bà C ký *Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp*

với Công ty TNHH MTV Cà phê B, nhận khoán diện tích 10.047m$^2$ để trồng cà phê, thời gian nhận khoán từ ngày 12/7/2014 đến 31/12/2032; ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059,7m$^2$ đất do Công ty TNHH-MTV Cà phê B quản lý, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND TP B lập kế hoạch sử dụng đất, trong diện tích 5.138.059,7m$^2$ đất thu hồi có diện tích đất bà C nhận khoán. Ngày 04/12/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đăk Lăk thực hiện thủ tục kiểm đếm tài sản theo Quyết định số 07 và ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định 8601/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường và chi phí tổ chức bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và quyết định bồi thường cho hộ bà C tổng cộng 3.308.690.764 đồng. Nay, bà C khởi kiện cho rằng UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, nhưng tới ngày 01/12/2021 UBND thành phố B mới ban hành Quyết định số 8601/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là không đúng quy định Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường phải cùng ngày và không bồi thường đủ số cây trồng thực tế gia đình bà C đã trồng trên đất và đến ngày 28/12/2021 mới chi trả tiền bồi thường là chậm nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B về phần bồi thường chưa đủ số cây trồng trên đất và buộc UBND thành phố B trả lãi với lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường cho bà C từ ngày 04/02/2017 đến ngày 28/12/2021.

*- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không tới Tòa án làm việc cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ và không tham gia phiên tòa.*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Bà Trần Thị C là một trong nhiều hộ nhận khoán đất với Công ty TNHH MTV Cà phê B để trồng cà phê, bà C không được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nên Nhà nước không ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ bà C và ngày 31/12/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình bà C và bà C đã nhận đủ tiền và bàn giao mặt bằng. Trung tâm đã thực hiện chi trả tiền bồi thường cho bà C trong hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đúng quy định nên việc bà C yêu cầu tính lãi với suất chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ. Việc UBND TP B phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; do đó nội dung khởi kiện của bà C yêu cầu phê duyệt bổ sung Cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất chậm chi trả của khoản này từ 04/02/2017 tới ngày 28/12/2021 là không có cơ sở. Vì các lý do trên, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà C.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Lê Văn Tr, anh Lê Anh T1, anh Lê Anh Q (là chồng và con bà C) do người đại diện là ông Nguyễn Xuân B1 trình bày:* thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

**- Tại bản án hành chính sơ thẩm số 51/2022/HC-ST ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 2 Điều 165; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 83; khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*[1]. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C gồm những yêu cầu sau: - Hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND TP B, tỉnh Đắk Lắk; - Buộc UBND TP B phê duyệt bổ sung: Lãi suất chậm chi trả khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Trần Thị C từ ngày 04/02/2017 đến 28/12/2021; - Buộc UBND TP B phải phê duyệt bổ sung bồi thường về: Cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk: 200.000.000 đồng và lãi suất chậm chi trả của khoản này từ 04/02/2017 tới ngày 28/12/2021*

*[2] Về án phí hành chính sơ thẩm bà Trần Thị C được miễn.*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 25/7/2022 đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện (bà Trần Thị C) nộp đơn kháng cáo nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp cho người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính;

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng nội dung vụ án, đúng pháp luật, nên đề nghị bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C với các yêu cầu: Hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND TP B về phần bồi thường mà theo bà C là bồi thường chưa đủ mật độ cây trồng chính, cây trồng xen canh, để buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định về phần này; buộc UBND thành phố B trả lãi với lãi suất chậm trả đối với số tiền bồi thường chậm tri trả cho bà C tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày 28/12/2021.

[2] Ngày 02/7/2014, bà Trần Thị C ký lại *Hợp đồng nhận khoán đất để sản*

*xuất nông nghiệp* số 132Đ1/2014/HĐ với Công ty TNHH MTV cà phê B, nhận khoán diện tích đất 10.047m$^2$ để trồng cà phê, thời gian nhận khoán từ ngày 02/7/2014 đến hết ngày 31/12/2032; ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi 5.138.059,7m$^2$ đất đã giao cho Công ty TNHH MTV cà phê B, trong đó có diện tích đất bà C nhận khoán. Tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Lăk giao cho UBND TP B, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định. Ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định 8601/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường Thành Nhất, thành phố B (đợt 1). Ngày 28/12/2021, hộ bà C được thông báo nhận tiền bồi thường, theo đó, hộ bà C được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, các tài sản trên đất và các khoản khác, tổng số tiền 3.308.690.764 đồng và bà C đã nhận, khi nhận không có ý kiến. Xét, hộ bà C nhận khoán đất lại từ Công ty TNHH MTV cà phê B để sản xuất nên UBND thành phố B không bồi thường về đất khi thu hồi đất là đúng pháp luật.

[3] Xét, yêu cầu kháng cáo (cũng như yêu cầu khởi kiện của bà C) yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố B trả lãi với lãi suất chậm trả đối với số tiền hộ bà C được bồi thường tính từ ngày 04/02/2017 đến ngày 28/12/2021 Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất trước đó giao cho Công ty TNHH-MTV Cà phê B quản lý, sử dụng (trong đó có đất bà C nhận khoán lại), để giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và UBND TP B lập kế hoạch sử dụng đất, đồng thời tiến hành các thủ tục để bồi thường, hỗ trợ người đang sử dụng đất theo đúng quy định. Triển khai thực hiện Quyết định số 07/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đăk Lăk, UBND thành phố B đã giao các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm đếm tài sản trên đất; sau khi có kết quả do cơ quan chức năng trình thì ngày 01/12/2021, UBND thành phố B ban hành Quyết định 8601/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ngày 28/12/2021 đã chi trả đủ số tiền hộ bà C được bồi thường, hỗ trợ. Mặt khác, trên thực tế từ ngày có Quyết định số 07 của UBND tỉnh Đăk Lăk cho tới ngày bà C bàn giao mặt bằng thì gia đình bà C vẫn canh tác và hưởng hoa lợi trên đất mà không phải đóng sản lượng theo Hợp đồng nhận khoán. Vì các lý do trên, xét việc bà C cho rằng UBND thành phố B chậm chi trả tiền bồi thường nên yêu cầu trả lãi chậm trả từ khi có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Đăk Lăk (ngày 04/01/2017) đến ngày chi trả tiền bồi thường là không có cơ sở để chấp nhận vì việc triển khai thực hiện Quyết định số 07/QĐ-UBND cần thời gian và việc trả tiền còn căn cứ việc cấp Ngân sách theo kế hoạc của Nhà nước và Kho bạc.

[4] Xét, yêu cầu kháng cáo (cũng như yêu cầu khởi kiện của bà C) yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố B về phần bồi thường đối với cây trồng chính và cây trồng xen canh vì bà C cho rằng chưa bồi thường chưa đủ mật độ, từ đó buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định về phần này, thấy rằng hộ bà C được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 3.308.690.764 đồng gồm bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là

114.908.000 đồng, bồi thường trị giá nhà ở 46.655.310 đồng, trị giá vật kiến trúc 107.239.207 đồng và bồi thường cây cối hoa màu số tiền 1.363.300.704 đồng. Về bồi thường cây cối, hoa màu, Ủy ban nhân dân thành phố B đã phê duyệt bồi thường thêm số cây trồng chính và cây trồng xen canh vượt mật độ thêm 50% là đúng quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk v/v quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và bà C đã nhận đủ tiền, khi nhận tiền không có ý kiến.

[5] Từ các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của bà C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, bà C kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của bà Trần Thị C, giữ nguyên quyết định tại bản án hành chính sơ thẩm số 51/2022/HC-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 2 Điều 165; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 83; khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Áp dụng Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C gồm những yêu cầu sau: - Hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND TP B, tỉnh Đắk Lắk; - Buộc UBND TP B phê duyệt bổ sung: Lãi suất chậm chi trả khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Trần Thị C từ ngày 04/02/2017 đến 28/12/2021; - Buộc UBND TP B phải phê duyệt bổ sung bồi thường về: Cây trồng chính vượt mật độ, cây trồng xen canh theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk số tiền 200.000.000 đồng và trả lãi với lãi suất chậm chi trả của khoản này từ 04/02/2017 tới ngày 28/12/2021

Về án phí hành chính sơ thẩm bà Trần Thị C được miễn.

Bà Trần Thị C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Kim Nhân**